

KẾ HOẠCH

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, hạng II; giáo viên trung học cơ sở hạng II năm 2019

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, hạng II; giáo viên trung học cơ sở hạng II năm 2019, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên trung học cơ sở nhằm lựa chọn, bố trí những giáo viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ chuyên môn phù hợp đảm nhiệm đúng vị trí việc làm; đảm bảo quyền lợi đối với viên chức được cử đi học tập hoặc bản thân tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

2. Yêu cầu

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên trung học cơ sở phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương. Đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp thăng hạng.

- Giáo viên được tham dự xét thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

- Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng dự thi: Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp trung học cơ sở.

2. Điều kiện: Giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 năm liên tục (từ năm 2016 đến năm 2018) tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Tiêu chuẩn

3.1. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng II;

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

e) Có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.2. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III:

- a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III;
- đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;
- e) Có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.3. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II;
- đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

e) Có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

Lưu ý:

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C có giá trị sử dụng tương đương chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A và A1; trình độ B và A2; trình độ C và B1; trình độ B2 lần lượt tương đương với bậc 1; bậc 2; bậc 3; bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo mẫu do Sở Nội vụ phát hành, gồm:

1. Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
2. Bản sơ yếu lý lịch viên chức (theo mẫu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức), có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức;
3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý; trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm của 03 năm gần nhất (năm: 2016, 2017, 2018);
4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
5. Các minh chứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét, bao gồm các minh chứng về: nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và minh chứng về các trường hợp điểm cộng thêm (theo hướng dẫn tại Phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT).

IV. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non:

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.

Hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch, việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức làm bài khảo sát hoặc phỏng vấn (Hội đồng sẽ quyết định, thông báo hình thức sát hạch sau), cụ thể:

- Bài khảo sát được thực hiện thông qua hình thức bài thi viết hoặc bài thi trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II;

- Phỏng vấn: Việc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp đối với từng người; thời lượng phỏng vấn 01 (một) người không quá 15 (mười lăm) phút; nội dung phỏng vấn liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.

Hồ sơ không đạt 100 điểm không được tham gia sát hạch, không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II:

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

V. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc Điểm b Khoản 2 Mục này); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh

đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc Điểm c Khoản 2 Mục này);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

VI. CÁCH TÍNH ĐIỂM SÁT HẠCH

1. Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.
2. Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát hoặc phỏng vấn.

VII. CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định.
- b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Mục V của Kế hoạch này.

Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Mục V của Kế hoạch này) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

c) Có kết quả xét thăng hạng cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp, cho đến hết chỉ tiêu đã được phân bổ cho từng huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Mục này, không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VIII. MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2019 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được xem xét, miễn trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Trong trường hợp giáo viên thuộc Khoản 1 Mục này có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

IX. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

mầm non, giáo viên trung học cơ sở năm 2019, chỉ tiêu xét thăng hạng được phân bổ, cụ thể như sau:

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non		Chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở
		Hạng II	Hạng III	Hạng II
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	09
2	UBND huyện Bắc Sơn	6	38	0
3	UBND huyện Chi Lăng	3	55	4
4	UBND huyện Đình Lập	7	25	0
5	UBND huyện Hữu Lũng	9	56	5
6	UBND huyện Lộc Bình	0	0	37
7	UBND huyện Tràng Định	5	31	9
8	UBND huyện Văn Lãng	5	13	28
9	UBND huyện Văn Quan	5	17	11
	Tổng cộng	40	235	103

X. KINH PHÍ

Kinh phí tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên cơ sở phí dự thi thăng hạng viên chức theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và nguồn ngân sách nhà nước giao (nếu có).

Tùy vào số lượng thực tế hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, mức thu theo quy định hiện hành (từ 500-700.000 đồng/thí sinh/lần dự xét).

XI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II:

a) Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II: Xong trước ngày 10/7/2019.

b) Tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên: Xong trước ngày 31/7/2019.

c) Thành lập Ban xét hồ sơ: Xong trước ngày 31/7/2019.

d) Tổ chức xét hồ sơ: Xong trước ngày 31/8/2019.

đ) Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét: Trước 05/9/2019.

e) Thành lập Ban phúc khảo (nếu có) và tổ chức phúc khảo: Xong trước ngày 15/10/2019.

g) Tổng hợp kết quả xét thăng hạng báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng xem xét và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả xét thăng hạng: Xong trước ngày 25/10/2019.

2. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, hạng II:

a) Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II: Xong trước ngày 10/7/2019.

b) Tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên: Xong trước ngày 31/7/2019.

c) Thành lập Ban xét hồ sơ: Xong trước ngày 31/7/2019.

d) Tổ chức xét hồ sơ: Xong trước ngày 31/8/2019.

đ) Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, hạng II tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét (Giáo viên mầm non hạng III dự xét thăng hạng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch): Trước 05/9/2019.

e) Thành lập Ban ra đề sát hạch, Ban coi sát hạch, Ban chấm sát hạch: Trước ngày 05/9/2019.

g) Tổ chức sát hạch (đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II): Xong trước ngày 25/9/2019.

h) Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét: Trước 20/9/2019.

i) Thành lập Ban phúc khảo (nếu có) và tổ chức phúc khảo: Xong trước ngày 31/10/2019.

k) Tổng hợp kết quả xét thăng hạng báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng xem xét và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả xét thăng hạng: Xong trước ngày 31/10/2019.

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, hạng II; Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

b) Tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

c) Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên thực hiện các quy trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đảm bảo công khai, khách quan, chặt chẽ và đúng quy định của pháp luật.

d) Trình UBND tỉnh Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

đ) Báo cáo kết quả xét thăng hạng về Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố

a) Triển khai kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II đến các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

b) Căn cứ chỉ tiêu được phân bổ, căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập, tiến hành thẩm định, tổ chức sơ tuyển nhằm lựa chọn, cử đúng đối tượng, đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên. Số lượng hồ sơ cử tham dự xét thăng hạng **đảm bảo không vượt quá 20% so với chỉ tiêu của từng hạng chức danh nghề nghiệp được UBND tỉnh phân bổ.**

c) Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.

Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được đăng tải trên website của Sở Nội vụ tại địa chỉ: <http://www.sonv.langson.gov.vn>.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - C, PCVP UBND tỉnh
- Các phòng: KG-VX, TH, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC (BMB).

Dương Xuân Huyền